

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề gồm có 02 trang)

I. ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

NÀNG SINH

Sinh là một thiếu nữ mồ côi ở bản Hua Tát. Nghe nói ngày xưa mẹ nàng bị ma chà, để nàng trong rừng. Nàng gầy gò, bé nhỏ, trông rất đáng thương. Nàng không bao giờ được ăn miếng ngon, mặc váy áo đẹp. Thân phận cô hươn (1) nàng sống thui thủi như con chim cút.

Ở Hua Tát, trên đường đi vào rừng ma, có cái miếu nhỏ. Miếu này thờ chàng Khó, người từng giết con hổ dữ ngày nào. Trong miếu có hòn đá nhỏ bằng nắm tay người, để trên bệ gạch. Hòn đá nhẵn thín như bào, sâu trong lớp đá có những vân đỏ li ti như mạch máu người. Ai muốn cầu xin thì sờ tay vào hòn đá, ghé sát miệng vào kể lể với nó. Hòn đá nằm trên bệ thờ từ bao đời rồi, chứng kiến rất nhiều cuộc đời, rất nhiều số phận. Hòn đá trở thành một thứ ngẫu vật thiêng liêng, ban đêm có người trông thấy hòn đá tỏa sáng như một cục lửa. Những nỗi đau khổ, những lời cầu xin tích tụ trong hòn đá nhỏ. Một bận, có một người khách lạ từ dưới xuôi lên, ông ta cao lớn, cười trên một con ngựa ô khỏe mạnh. Ông rẽ vào nhà trường bản, thăm các bô lão, la cà khắp nơi đây đó, ông hiểu rất rõ phong tục ở bản. Dân bản Hua Tát đoán ông là người buôn cao hoặc lông thú hiếm. Ông rất nhiều tiền, cư xử hào hiệp và sang trọng lắm. Một bữa, ông khách qua miếu chàng Khó, trông thấy hòn đá định cầm lên xem. Nhưng thật lạ lùng, ông không làm sao nhấc được hòn đá lên khỏi bệ thờ. Ngạc nhiên, ông về gọi dân bản đến xem. Người ta xúm xít xung quanh miếu nhỏ. Ông khách thử cho từng người lần lượt vào miếu để nhấc hòn đá lên tay, nhưng đều bất lực. Hòn đá nặng đến kinh người.

- Chắc có chuyện gì uẩn khúc?

- Trong bản liệu còn có ai chưa đến miếu này nhấc thử? - Ông khách căn vặn mọi người.

Người ta soát lại thấy thiếu Sinh. Người ta quên bằng mất nàng. Ông khách bảo với mọi người đi tìm Sinh đến. Nàng đang đi đào củ mài mãi trong nguồn nước. Sinh đến miếu thờ. Mọi người rẽ lối cho nàng. Ông khách bảo nàng nhấc thử hòn đá. Như có phép lạ, Sinh nhấc hòn đá lên tay dễ dàng như bỡn. Mọi người ngạc nhiên, tất cả reo hò sung sướng. Sinh cầm hòn đá đưa cho ông khách, ánh sáng mặt trời chiếu vào đôi bàn tay nàng, đôi tay chai sạn, ngón không ra ngón. Sinh bóp khế vào cái ngẫu vật thiêng liêng. Hòn đá bỗng tan thành nước trước mắt mọi người. Những giọt nước ấy trong như nước mắt, chảy qua kẽ tay nàng rơi xuống mặt đất, in hình trên đó như những ngôi sao. Ông khách lặng người rồi khóc. Ông xin dân bản được đón Sinh đi. Ông sắm váy mới, áo mới cho nàng. Sinh bỗng trở nên xinh đẹp lạ thường.

Hôm sau, ông khách rời bản Hua Tát ra đi. Người ta đồn rằng về sau Sinh rất sung sướng. Ông khách là một Hoàng đế cải trang vi hành. Ở Hua Tát, con đường rải đá đi ra bên ngoài thung lũng, con đường nhỏ, vừa lối đi, hai bên đầy cây mè loi, tre, vầu, bứa, muỗm và hàng trăm thứ cây dây leo không biết tên gọi là gì, con đường đó được gọi là Đường Nàng Sinh. Cái con đường ấy còn đến bây giờ.

(1) Đăng cấp thấp nhất

(Truyện thứ Mười: Nàng Sinh - Những ngọn gió Hua Tát, In trong tập Truyện ngắn chọn lọc Nguyễn Huy Thiệp, NXB Văn học, 2007, Tr.35_Tr.36)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định ngôi kể của văn bản trên.

Câu 2 (0,5 điểm). Chỉ ra những chi tiết miêu tả hình dáng của nhân vật Sinh trong văn bản.

Câu 3 (1,0 điểm). Phân tích hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ so sánh trong câu văn sau: “*Thân phận cô hồn, nàng sống thui thủi như con chim cút*”.

Câu 4 (1,0 điểm). Anh/Chị hiểu thế nào về số phận của nhân vật Sinh qua chi tiết dân bản Hua Tát “quên băng mắt” nàng?

Câu 5 (1,0 điểm). Chi tiết ‘Đường Nàng Sinh’ ở kết truyện gợi cho anh/chị suy nghĩ gì?

Câu 6 (1,0 điểm). Từ số phận của nhân vật Sinh, anh/chị hãy bày tỏ suy nghĩ về ý nghĩa của sự công bằng trong xã hội hiện nay.

II. VIẾT (5,0 điểm)

“*Tôi không thất bại. Tôi chỉ tìm ra 10.000 cách nhưng chưa thành công*”. Đó là câu nói nổi tiếng của nhà sáng chế thiên tài Thomas A. Edison khi cuối cùng ông cũng phát minh ra bóng đèn điện sau 10.000 lần thất bại.

Từ góc nhìn của người trẻ, anh/chị hãy viết bài văn nghị luận bàn về chủ đề:
Đừng từ bỏ ước mơ.

.....HẾT.....

Thí sinh không được sử dụng tài liệu; cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm.

Câu	Nội dung	Điểm
I. ĐỌC HIỂU (5,0 điểm)		
1	Ngôi kể của văn bản: Ngôi thứ ba. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án cho: 0,5 điểm. - Không đúng đáp án hoặc không trả lời cho: 0 điểm.	0,5
2	Những chi tiết miêu tả hình dáng của nhân vật Sinh: - Nàng gầy gò, bé nhỏ, trông rất đáng thương. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án cho: 0,5 điểm. - Không đúng đáp án hoặc không trả lời cho: 0 điểm.	0,5
3	Hiệu quả của biện pháp tu từ so sánh: - Làm cho câu văn trở nên sinh động, hấp dẫn hơn. - Làm nổi bật cuộc sống cô độc, yếu ớt, đáng thương của nhân vật Sinh, qua đó thể hiện niềm xót xa, cảm thương của tác giả trước số phận nhân vật. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án cho: 1,0 điểm. - HS trả lời đúng 1 ý được: 0,5 điểm. - HS có cách diễn đạt bằng các từ ngữ tương đương đạt điểm tối đa.	1,0
4	Chi tiết dân bản “quên băng mắt” Sinh cho thấy: - Nàng hoàn toàn bị gạt ra ngoài đời sống cộng đồng, không có vị trí hay tiếng nói trong bản. - Qua đó phản ánh sự thờ ơ của xã hội đối với những con người nghèo khổ, thấp kém như Sinh. - HS trả lời như đáp án cho: 1,0 điểm. - HS trả lời đúng 1 ý được: 0,5 điểm. - HS có cách diễn đạt bằng các từ ngữ tương đương đạt điểm tối đa.	1,0
5	- Con đường mang tên Nàng Sinh là biểu tượng cho số phận đau khổ nhưng bền bỉ của người phụ nữ miền núi, gợi lên sự sống và khát vọng của những kiếp người nhỏ bé. - Chi tiết này thể hiện khát vọng công bằng và sự tôn vinh những số phận bất hạnh, đồng thời khép lại truyện bằng ý nghĩa nhân văn sâu sắc. - HS trả lời như đáp án cho: 1,0 điểm. - HS trả lời đúng ý đầu: 0,25 điểm. - HS trả lời đúng ý thứ hai: 0,75 điểm. - HS có cách diễn đạt bằng các từ ngữ tương đương đạt điểm tối đa.	1,0
6	- Số phận của Sinh cho thấy khi thiếu công bằng, những con người yếu thế dễ bị lãng quên và chịu nhiều thiệt thòi. - Vì vậy, công bằng trong xã hội là điều cần thiết để mọi người được tôn trọng và có cơ hội sống tốt hơn. - HS trả lời như đáp án cho: 1,0 điểm. - HS trả lời đúng 1 ý được: 0,5 điểm. - HS có cách diễn đạt bằng các từ ngữ tương đương đạt điểm tối đa.	1,0
II. VIẾT (5,0 điểm)		

“Tôi không thất bại. Tôi chỉ tìm ra 10.000 cách nhưng chưa thành công”. Đó là câu nói nổi tiếng của nhà sáng chế thiên tài Thomas A Edison khi cuối cùng ông cũng phát minh ra bóng đèn điện sau 10.000 lần thất bại. Anh/Chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) bàn về chủ đề: Đừng từ bỏ ước mơ.	5,0
<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận:</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,5
<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Đừng từ bỏ ước mơ.</i>	0,5
<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> HS có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	3,0
<i>* Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.</i>	0,5
<i>* Triển khai vấn đề nghị luận:</i> - Giải thích vấn đề nghị luận: + Ước mơ: là những khát vọng, mong muốn tốt đẹp mà con người hướng tới trong cuộc sống, là mục tiêu để phấn đấu và hoàn thiện bản thân. + Đừng từ bỏ ước mơ: là thái độ sống kiên trì, bền bỉ theo đuổi mục tiêu đã lựa chọn, không nản chí trước khó khăn, thất bại và thử thách; luôn tin tưởng vào giá trị của ước mơ và khả năng của bản thân. - Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau: - Vai trò – Ý nghĩa + Ước mơ là động lực thúc đẩy con người học tập, rèn luyện và phát triển bản thân. + Giúp con người định hướng tương lai, sống có mục tiêu, có lý tưởng. Ước mơ thể hiện khát vọng cống hiến, khẳng định giá trị và năng lực cá nhân đối với xã hội. + Khi kiên trì theo đuổi ước mơ, con người có thêm niềm tin, ý chí và nghị lực để vượt qua khó khăn, thử thách trong cuộc sống. - Thực trạng + Trong cuộc sống, nhiều người có ước mơ, dám theo đuổi và nỗ lực để biến ước mơ thành hiện thực. + Tuy nhiên, vẫn còn không ít người không có ước mơ, sống buông xuôi, thụ động; hoặc có ước mơ nhưng dễ dàng từ bỏ khi gặp khó khăn, thất bại. + Thực trạng này khiến con người đánh mất cơ hội phát triển bản thân và sống một cuộc đời thiếu ý nghĩa. - Giải pháp + Mỗi người cần xác định cho mình ước mơ đúng đắn, phù hợp với năng lực và điều kiện thực tế. + Nuôi dưỡng ước mơ bằng ý chí, nghị lực, tri thức và tinh thần học hỏi không ngừng. + Biết chia sẻ ước mơ với gia đình, thầy cô, bạn bè để nhận được sự động viên, hỗ trợ. + Dũng cảm đối mặt với khó khăn, coi thất bại là bài học trên con đường thực hiện ước mơ.	2,5

- Mở rộng vấn đề

+ Cần phê phán những người không có ước mơ, sống thiếu mục tiêu hoặc không dám theo đuổi ước mơ của mình.

+ Theo đuổi ước mơ là cách sống tích cực, nhưng không đồng nghĩa với việc bất chấp mọi giá, vi phạm chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

+ Cần sống trọn vẹn với ước mơ, lựa chọn ước mơ phù hợp và quyết tâm theo đuổi đến cùng bằng ý chí và hành động đúng đắn.

...

* Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân.

Hướng dẫn chấm:

- HS trình bày đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm.

- HS trình bày đáp ứng một nửa yêu cầu: 1,5 điểm.

- HS trình bày còn sơ sài, chưa rõ vấn đề: 0,5 điểm.

<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,5
<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: - HS huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân khi bàn luận; có cái nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề; có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; bài văn giàu sức thuyết phục. - Đáp ứng được 01 yêu cầu trở lên được 0,5 điểm.	0,5
TỔNG ĐIỂM	10,0

----- HẾT -----

I. Cấu trúc đề, phạm vi kiến thức và kĩ năng

* Hình thức: Tự luận

* Cấu trúc: Đề thi gồm có 02 phần bao gồm Đọc hiểu và Viết

- Phần Đọc hiểu: Truyện ngắn hiện đại / hậu hiện đại.

- Phần viết: Nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).

II. Ma trận

TT	Kĩ năng	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Số câu	Mức độ						
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng %
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
I	Đọc hiểu	Truyện ngắn hiện đại / hậu hiện đại.	6	2	10%	3	30%	1	10%	50%
II	Viết	Nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).	1	15%		20%		15%		50%
Tỉ lệ				25%		50%		25%		100%
Tổng			7	100%						

Lưu ý:

Tất cả các câu hỏi trong đề kiểm tra là câu hỏi tự luận.

Cách cho điểm mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong *Đáp án - Hướng dẫn chấm*.

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ đánh giá	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá			Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
1	I. Đọc hiểu	Truyện ngắn hiện đại / hậu hiện đại.	Nhận biết: - Nhận biết được nhân vật người kể chuyện, ngôi kể, điểm nhìn trong truyện ngắn (hiện đại hoặc hậu hiện đại). - Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngắn (hiện đại hoặc hậu hiện đại) như: diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật. - Nhận biết được đề tài, đặc điểm ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật của truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại / hậu hiện đại. Thông hiểu: - Lí giải vai trò, ý nghĩa của nhân vật với chủ đề, tư tưởng của tác phẩm. - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của những chi tiết quan trọng trong tác phẩm; phân tích được tác dụng của những yếu tố hậu hiện đại (nếu có) trong tác phẩm. - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được sự phù hợp giữa người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản. - Phát hiện và lí giải được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ; giá	2 câu	3 câu	1 câu	50%

			trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ tác phẩm. Vận dụng: - Đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của tác phẩm. - Đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.				
2	II. Viết	Nghị luận về một vấn đề có liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).	Nhận biết: - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận. - Nêu được cụ thể vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ. - Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. Thông hiểu: - Phân tích được lí do và các phương diện liên quan đến tuổi trẻ của vấn đề. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với tuổi trẻ. - Nêu được những bài học, những đề nghị,	1*	1*	1*	50%

			khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận. - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,... để tăng sức thuyết phục cho bài viết.				
Tỉ lệ %				25%	50%	25%	100%
Tỉ lệ chung				75%		25%	